

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2020/HNGĐ –ST

Ngày 29-4- 2020.

V/v tranh chấp “ Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chót.

2. Ông Lê Văn Mút

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Y- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2020/TLST– HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐST–HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Cẩm H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp AN B, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp ANB B, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Anh H vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Trần Thị Cẩm H trình bày:

Vào năm 2014 chị với anh Bùi Văn H được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thuận, huyện Thanh Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/9/2014. Việc kết hôn và đăng ký kết hôn là do các bên tự nguyện. Chị với anh H có 01 con chung tên Bùi Tấn Kh, sinh ngày 16/01/2016, hiện con chung đang sống chung với chị.

Chị với anh H không tạo lập được tài sản chung, không có nợ chung.

Nguyên nhân chị yêu cầu ly hôn với anh H là do anh H thường xuyên uống rượu, tham gia cờ bạc làm cho cuộc sống vợ chồng H không hạnh phúc, anh H nhiều lần xúc phạm chị. Chị và gia đình anh H nhiều lần khuyên anh H sửa đổi nhưng anh H không sửa đổi. Chị nhận thấy nếu tiếp tục chung sống với anh H thì con chị sẽ không có tương lai tốt, kinh tế gia đình cũng không phát triển được vì anh H thường xuyên tham gia đánh bạc (đánh bài ăn thua bằng tiền) nên từ tháng 08 năm 2018 chị và con trở về nhà cha ruột ở và sau đó chị đưa con đến tỉnh Bình Phước để làm thuê cho đến nay. Chị với anh H có nhiều lần trao đổi với nhau để tìm cách hàn gắn nhưng cả hai không có thiện chí hàn gắn, cha mẹ hai bên có nhiều lần nhắc nhở và tạo điều kiện cho chị với anh H hàn gắn với nhau nhưng cả hai cũng không đồng ý. Từ khi chị với anh H không còn sống chung với nhau thì anh H ít tới lui thăm nom con, anh H có cấp dưỡng nuôi con chung 02 lần khoảng hơn 3.000.000 đồng.

Chị yêu cầu giải quyết:

- Về hôn nhân: chị yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn H. Khi ly hôn chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho chị.

- Về con chung: chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Bùi Tấn Kh, sinh ngày 16/01/2016, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không có nên yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Bùi Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn Trần Thị Cẩm H đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn Bùi Văn H chưa thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của chị H và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; xét thấy: tình trạng hôn nhân giữa đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về quan hệ pháp luật:* Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- *Về thẩm quyền:* anh Bùi Văn H có đăng ký hộ khẩu tại 107/2 ấp An Ninh B, xã An Thuận, xã Thới Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về tố tụng:

Nguyên đơn Trần Thị Cẩm H có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị H .

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt cho anh Bùi Văn H các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự anh H đều không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về hôn nhân: Vào năm 2014 chị H và anh H tự nguyện chung sống với kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thuận, huyện Thanh Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/9/2014. Do đó, việc kết hôn và đăng ký kết hôn của chị H và anh H là phù hợp với qui định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo chị H, nguyên nhân chị yêu cầu ly hôn với anh H là do chị với anh H bất đồng quan điểm nhiều lần phát sinh mâu thuẫn nên không còn sống chung khoảng hơn 02 năm, cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo, quyết định của Tòa án nhằm tạo điều kiện để chị H và anh H H giải với nhau nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị H với anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị H không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng sau khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[3] Về con chung: từ khi chị H với anh H không còn sống chung cho đến nay chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Tuấn Kh, anh H ít tới lui thăm con chung. Lẽ đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần giao cháu Bùi Tuấn Kh, sinh ngày 16/01/2016 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Do chị H không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Anh Bùi Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Bùi Văn H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, chị Trần Thị Cẩm H có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: không có nên yêu cầu không giải quyết.

[5] Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Trần Thị Cẩm H phải nộp án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Cẩm H.

1. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Cẩm H. Chị Trần Thị Cẩm H được ly hôn với anh Bùi Văn H. Chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng khi ly hôn.

2. *Về con chung*: chị Trần Thị Cẩm H được trực tiếp nuôi con chung tên Lê Bùi Tuấn Kh, sinh ngày 16/01/2016. Chị H không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Bùi Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Bùi Văn H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, chị Trần Thị Cẩm H có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về tài sản chung*: không có nên không yêu cầu giải quyết

4. *Về nợ chung*: không có nên không yêu cầu giải quyết.

5. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: chị Trần Thị Cẩm H phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006216 ngày 02 tháng 12 năm 2019 và đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ **ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Vân

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Vinh– Nguyễn Văn Chót

Trần Thị Vân

**Caùc Hoãi thaãm nhaân daân
phieân toaø**

Thaãm phaùn – Chuû toãi

Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt

Huyønh Thò Pheâ

